

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm vào cuối phiên

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm sau đó hồi phục vào cuối phiên

[Thông tin doanh nghiệp]

PNJ, PC1

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn tại vùng kháng cự đã đề cập và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

22/09/2022

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,214.70 | +0.34 |
| VN30 | 1,228.94 | +0.06 |
| HĐTL VN30F1M | 1,225.00 | +0.44 |
| HNXIndex | 265.64 | +0.21 |
| HNX30 | 464.04 | +0.08 |
| UPCoM | 88.55 | +0.36 |
| USD/VND | 23,712 | +0.10 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 4.28 | +12 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 4.82 | +65 |
| Dầu (WTI, \$) | 84.29 | +1.63 |
| Vàng (LME, \$) | 1,675.39 | +0.09 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,214.70 (+0.34%)
KLGD (triệu CP) 473.6 (+55.2%)
GTGD (triệu US\$) 492.0 (+19.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm chứng khoán và bất động sản với thanh khoản cải thiện. Khối ngoại bán ròng ở NLG (-1.5%), BCM (-0.2%), KDH (0%).

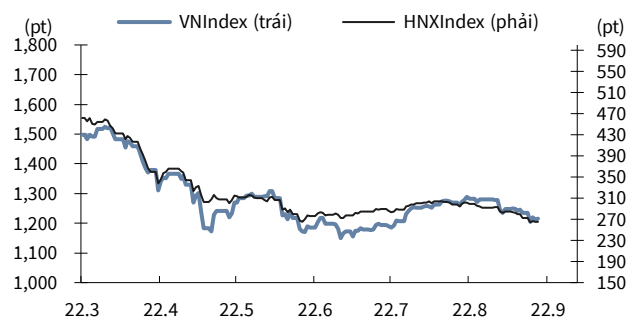
HNXIndex 265.64 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 61.2 (+32.5%)
GTGD (triệu US\$) 46.3 (+39.0%)

Savills cho biết tỷ lệ lấp đầy của các KCN tại Việt Nam hiện nay đạt 70.9%, tương đương cuối năm 2020. Bất động sản KCN ở khu vực phía Bắc tại khu kinh tế ở Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng vẫn ghi nhận nguồn cung tốt nhờ các dự án mới như Deep C III, cổ phiếu ngành khu công nghiệp tăng ở KBC (+2.1%), VGC (+2.3%).

UPCoM 88.55 (+0.36%)
KLGD (triệu CP) 38.4 (+30.6%)
GTGD (triệu US\$) 22.0 (+33.3%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -23.0

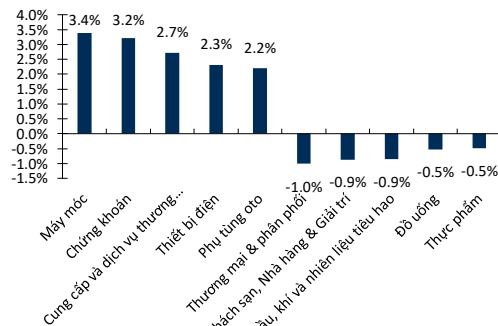
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cho biết tháng 8, giá xuất khẩu trung bình mặt hàng cá tra phile đông lạnh sang thị trường Mỹ tăng lên mức 5 USD/kg và VASEP dự báo, nhập khẩu cá tra của Mỹ có thể tăng dần trong những tháng cuối năm, cổ phiếu ngành cá tra tăng ở ANV (+4.1%), VHC (+1%).

VNIndex & HNXIndex



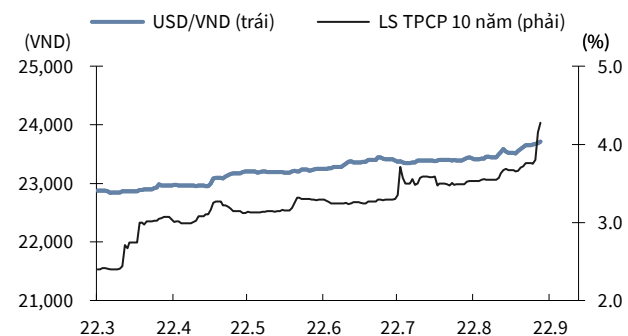
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



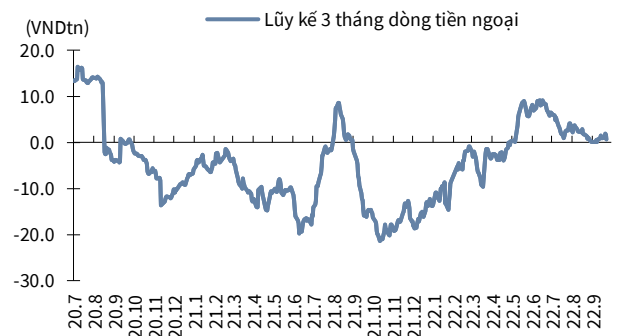
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

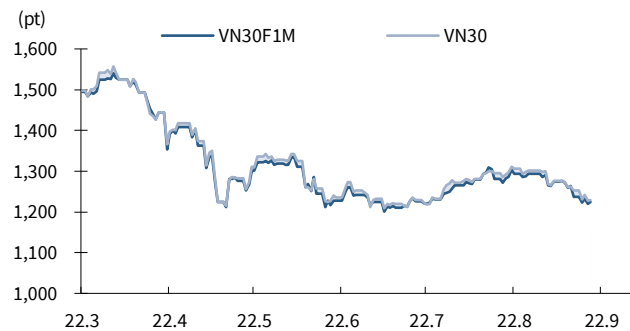
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,228.94 (+0.06%) |
| VN30F1M | 1,225.0 (+0.44%) |
| Mở cửa | 1,208.0 |
| Cao nhất | 1,225.0 |
| Thấp nhất | 1,203.7 |

Các HĐTL giảm điểm sau đó hồi phục vào cuối phiên tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2210 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -20.6 điểm sau đó thu hẹp dần biên độ nhưng vẫn giao dịch ở mức âm và đóng cửa ở mức thấp nhất phiên tại -3.94 điểm. Thanh khoản thị trường giảm trong phiên giao dịch hôm nay.

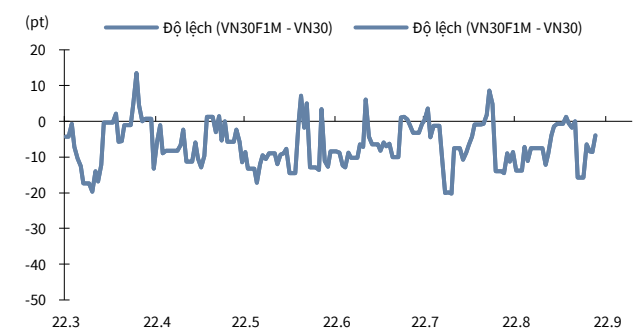
KLGD (HĐ) **267,682 (-9.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



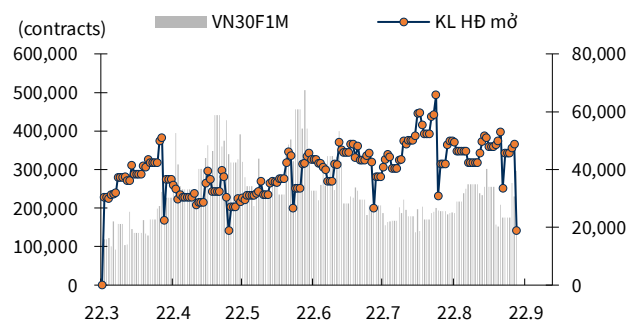
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



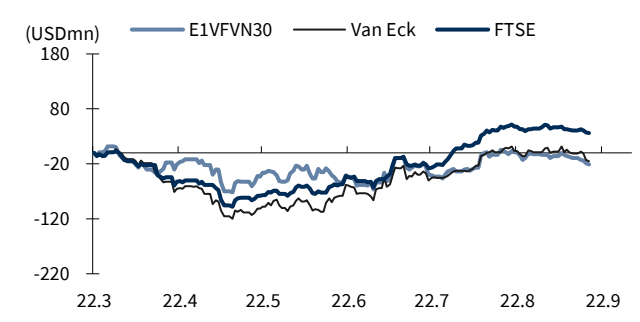
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

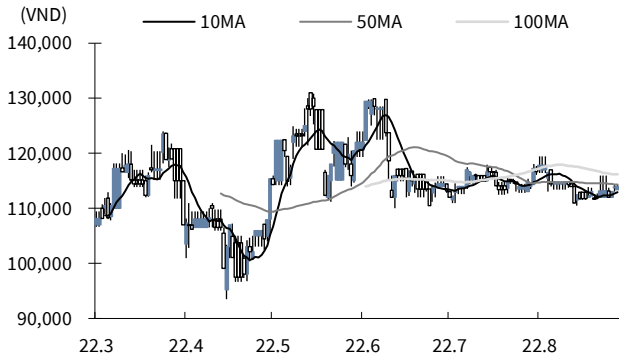
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

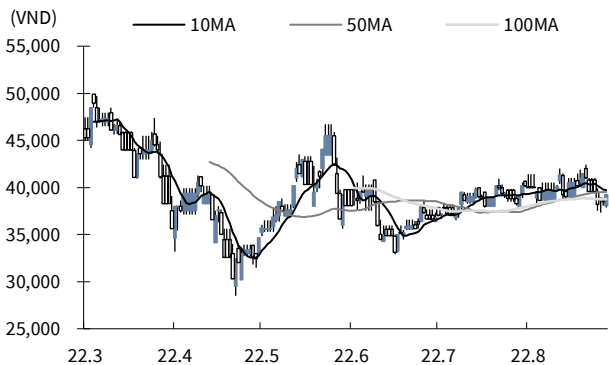
CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 0.09% lên 114,000 VND/cp
- CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận công bố kết quả kinh doanh tháng 8 với 2,328 tỷ đồng doanh thu thuần, gấp 14 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 79 tỷ đồng, cùng kỳ năm 2021 công ty lỗ 78 tỷ đồng.
- Tính đến cuối tháng 8, hệ thống PNJ có 353 cửa hàng trên toàn quốc.

CTCP Tập đoàn PC1 (PC1)



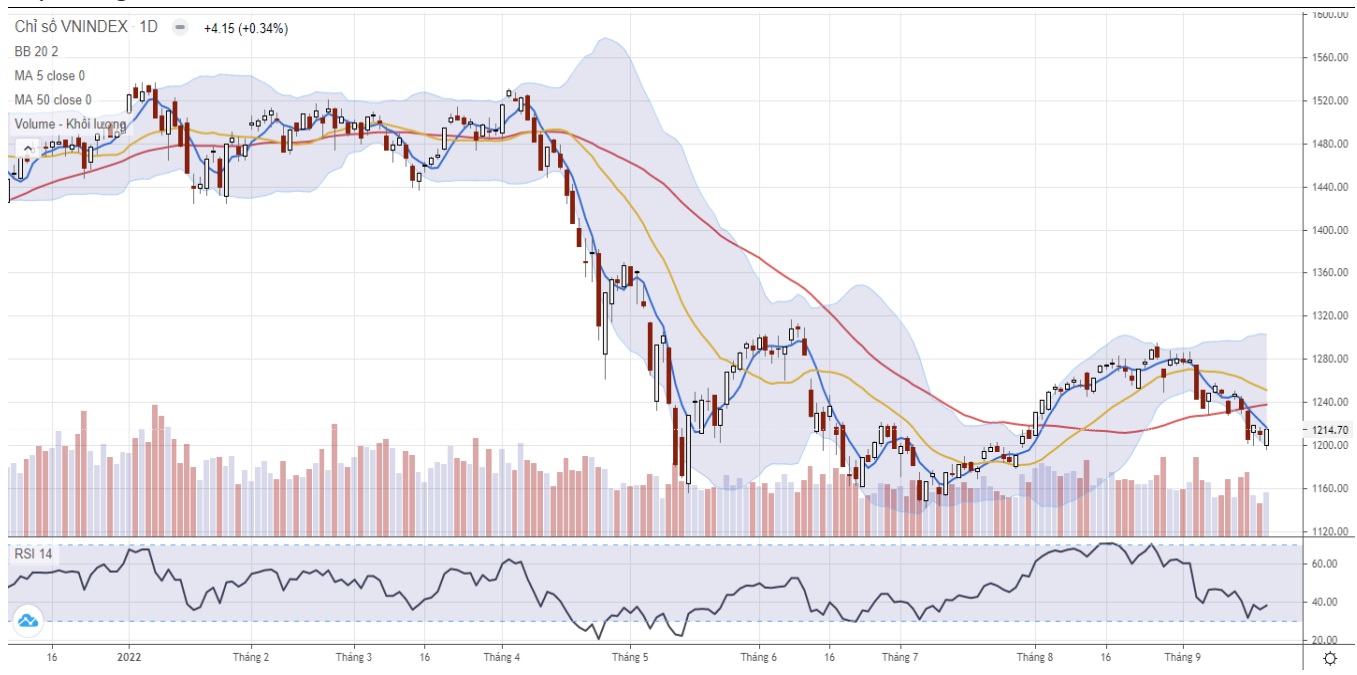
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PC1 tăng 1.82% lên 39,200 VND/cp
- PC1 thông qua việc triển khai phương án phát hành hơn 35.2 triệu cổ phiếu tỷ lệ 15% theo mệnh giá để trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu, với mỗi 100 cổ phiếu cổ đông sẽ nhận được 15 cổ phiếu mới. Như vậy, tổng giá trị phát hành dự kiến là hơn 352 tỷ đồng, vốn điều lệ dự kiến tăng lên 2,704 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất ngày 31/12/2021. Cổ đông sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng lượng cổ phiếu mới này. Thời gian phát hành dự kiến trong quý IV năm nay

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

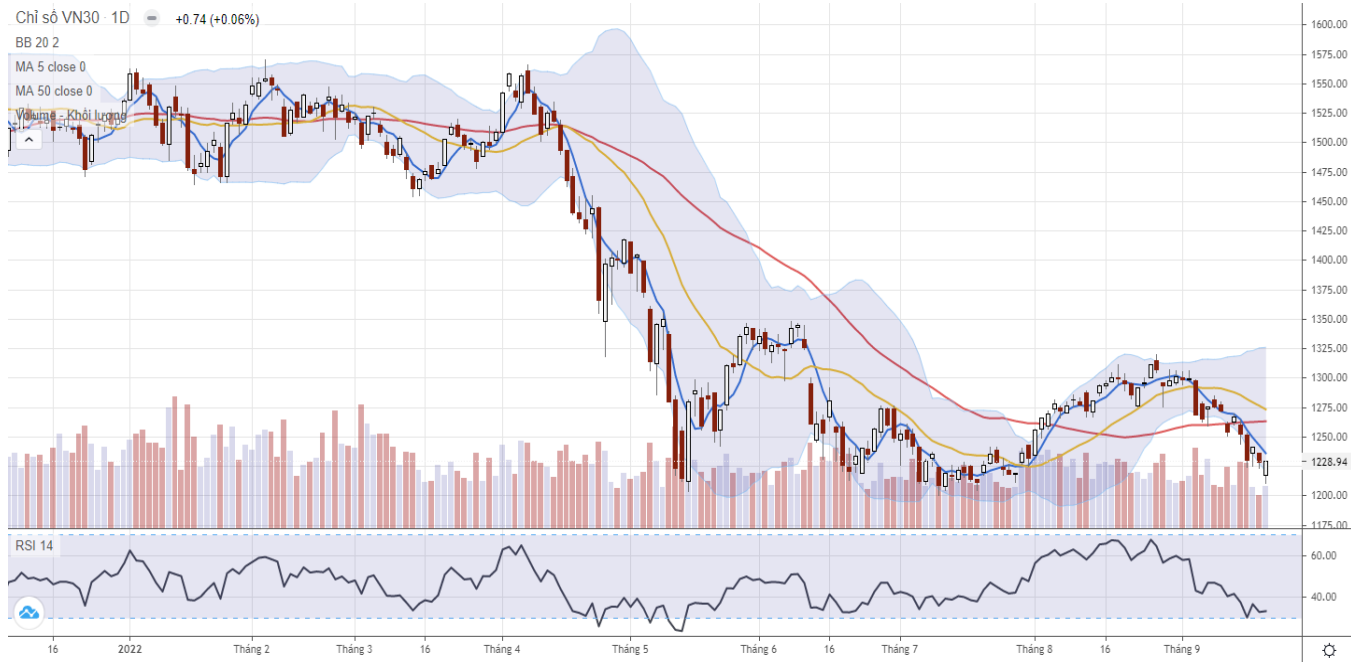
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



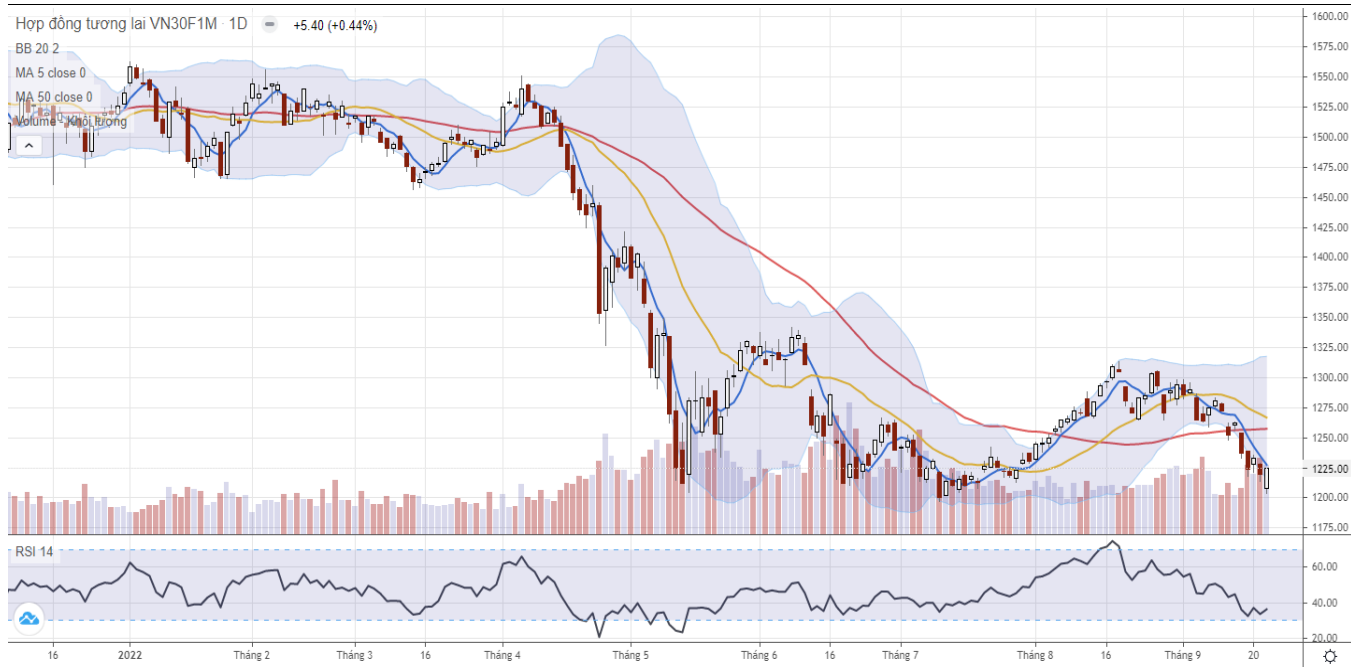
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến giằng co trước khi dần hồi phục và đảo chiều tăng điểm về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy gia tăng quanh vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1195 (+5) đã giúp cho chỉ số có một nhịp hồi phục kỹ thuật trong phiên. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn hiện hữu, VNIndex nhiều khả năng tiếp tục mở rộng xu hướng hồi phục trong phiên tiếp theo và hướng lên vùng cản gần quanh 122x trước khi gặp áp lực rung lắc trở lại.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn tại vùng kháng cự đã đề cập và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1241 - 1245

Kháng cự gần: 1234 - 1238

Hỗ trợ gần: 1214 - 1217

Hỗ trợ xa: 1197 - 1202

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 diễn biến giằng co trước khi dần hồi phục và đảo chiều tăng điểm về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy gia tăng quanh vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1200 đã giúp cho chỉ số có một nhịp hồi phục kỹ thuật trong phiên. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn hiện hữu, F1 nhiều khả năng tiếp tục mở rộng xu hướng hồi phục trong phiên tiếp theo và hướng lên vùng cản gần quanh 123x trước khi gặp áp lực rung lắc trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở thăm dò một phần vị thế SHORT tại các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

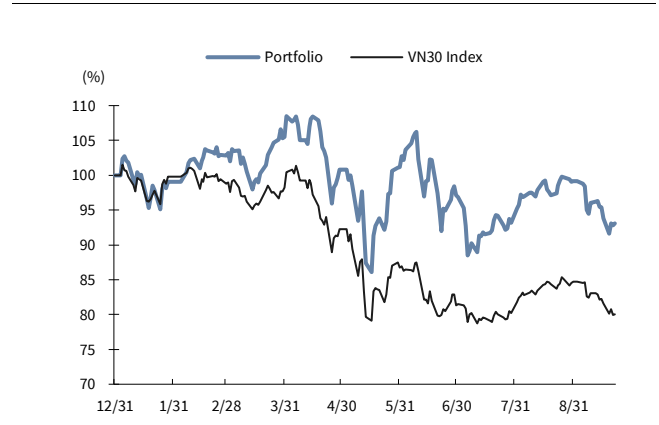
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 0.06% | 0.35% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -19.98% | -6.90% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 22/09/2022 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 70,100 | 0.1% | 81.4% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Binh Son Refinery (BSR) | 30/06/2022 | 22,500 | -0.9% | -21.1% | - Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư |
| Phu Nhuan Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 114,000 | 0.1% | 48.7% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tan Uyen (NTC) | 11/11/2021 | 172,000 | -1.0% | -10.4% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 84,400 | 0.7% | 185.5% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 82,900 | 0.7% | 241.7% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 25,400 | -0.6% | 34.4% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 111,000 | 1.8% | 51.2% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 23,000 | 0.4% | 106.6% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbac City Development (KBC) | 09/03/2020 | 29,700 | 2.1% | 189.1% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 0.4% | 20.9% | 45.2 |
| FRT | 2.2% | 17.9% | 19.3 |
| VIC | 0.3% | 12.2% | 12.8 |
| HCM | 5.2% | 40.7% | 9.2 |
| GMD | 2.2% | 47.1% | 9.0 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| NLG | -1.5% | 41.7% | -116.6 |
| BCM | -0.2% | 2.8% | -95.1 |
| KDH | 0.0% | 31.1% | -66.0 |
| VHM | -1.0% | 23.2% | -43.5 |
| VCB | -1.1% | 23.5% | -58.1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VCS | 0.7% | 2.9% | 0.2 |
| ONE | 1.5% | 7.6% | 0.1 |
| NDX | 1.5% | 1.2% | 0.1 |
| NTP | 0.0% | 17.8% | 0.1 |
| GMX | 2.7% | 5.3% | 0.0 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHS | 3.6% | 6.7% | -4.5 |
| IDC | -0.2% | 0.2% | -1.4 |
| THD | -0.2% | 1.3% | -1.3 |
| HUT | 0.8% | 1.0% | -0.7 |
| PVS | -0.4% | 10.7% | -0.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Phụ tùng oto | 1.9% | DRC, CSM, PAC, TNC |
| Hàng dệt, may & hàng xa xỉ | 1.1% | PNJ, TCM, MSH, GIL |
| Máy móc | 1.1% | TCH, HHS, SRF, SHA |
| Đồ uống | 0.9% | SAB, BHN, SMB, SCD |
| Ngành chưa phân loại | 0.0% | CKG, PSH, NHH, ABS |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Xây dựng và kỹ thuật | -5.6% | DIG, HDG, VCG, PC1 |
| Bán lẻ hàng chuyên dụng | -5.1% | MWG, FRT, CTF, HAX |
| Hóa chất | -5.0% | GVR, DGC, DPM, DCM |
| Sản phẩm xây dựng | -4.7% | VGC, BMP, SHI, DAG |
| Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao | -4.5% | PLX, PGC, CNG, GSP |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Cung cấp và dịch vụ thương mại | 19.2% | TLG, ILB, APC, ST8 |
| Bán lẻ hàng chuyên dụng | 8.1% | MWG, FRT, CTF, HAX |
| Máy móc | 7.9% | TCH, HHS, SRF, SHA |
| Tiện ích điện | 5.6% | PGV, NT2, PPC, TTA |
| Sản xuất điện | 5.0% | POW, VSH, GEG, TMP |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Chứng khoán | -11.8% | SSI, VND, HCM, VCI |
| Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao | -11.8% | PLX, PGC, CNG, GSP |
| Sản phẩm xây dựng | -10.7% | VGC, BMP, SHI, DAG |
| Xây dựng và kỹ thuật | -7.9% | DIG, HDG, VCG, PC1 |
| Thiết bị điện | -7.8% | GEX, SAM, CAV, RAL |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn) | GTGD (VND triệu, USD Mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|-----|------------------|---------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 65,426 (2.8) | 22.5 | 27.2 | 39.6 | 14.7 | 7.6 | 5.4 | 2.2 | 2.1 | -1.3 | -0.5 | -7.1 | -33.6 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 112,188 (4.8) | 26.6 | 8.2 | 6.8 | 35.9 | 22.2 | 22.1 | 1.7 | 1.4 | -1.0 | -2.8 | -3.0 | -28.9 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 43,150 (1.8) | 17.8 | 26.6 | 18.7 | -7.6 | 7.7 | 10.1 | 2.0 | 1.9 | -1.5 | 0.4 | -2.4 | -5.0 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853 | 86,712 (3,768) | 252,835 (10.7) | 31.3 | 28.6 | 24.7 | 6.7 | 14.5 | 16.1 | 4.2 | 3.6 | 0.0 | 1.3 | 2.8 | -7.0 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 28,347 | 19,167 (833) | 41,191 (1.7) | 11.6 | 16.0 | 14.8 | 13.7 | 13.0 | 12.8 | 1.9 | 1.7 | -5.8 | - | - | -32.2 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 271,328 (11.5) | 13.9 | 15.7 | 11.3 | - | 10.5 | 12.7 | 1.1 | 1.0 | -0.2 | -4.2 | 14.1 | -28.9 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 88,603 (3.8) | 6.3 | 13.8 | 11.5 | 11.7 | 21.9 | 22.7 | 2.7 | 2.2 | -0.4 | 0.8 | -2.5 | 0.1 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 55,312 (2.4) | 12.7 | 12.6 | 9.7 | -5.3 | 16.9 | 19.0 | 1.8 | 1.5 | -1.1 | -4.8 | 11.7 | -6.3 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 110,820 (4.7) | 0.0 | 5.5 | 4.8 | 14.3 | 21.0 | 20.1 | 1.1 | 0.9 | -1.6 | -6.3 | 11.5 | -31.0 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 79,442 (3.4) | 1.4 | 6.6 | 5.3 | 50.3 | 19.7 | 22.1 | 1.1 | 1.0 | -1.7 | -5.4 | -9.6 | -24.6 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 396,336 (16.8) | 0.0 | 6.9 | 6.8 | 18.8 | 20.8 | 17.3 | 1.3 | 1.1 | -1.7 | -2.6 | -5.6 | -17.6 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 16,173 | 73,327 (3,187) | 178,870 (7.6) | 0.0 | 5.7 | 4.9 | 14.6 | 24.1 | 23.3 | 1.2 | 1.0 | -0.7 | -5.4 | -7.8 | -12.0 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 46,800 (2.0) | 4.2 | 6.1 | 5.2 | 23.3 | 22.4 | 21.5 | - | - | -0.4 | -2.0 | -5.9 | -19.9 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 247,799 (10.5) | 14.0 | 9.6 | 4.3 | 26.5 | 12.0 | 21.2 | 1.1 | 0.9 | -1.8 | -5.6 | 13.3 | -31.0 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630 | 28,732 (1,249) | 32,353 (1.4) | 0.0 | 6.5 | 4.9 | 37.4 | 21.6 | 22.0 | 1.3 | 1.0 | -0.6 | -4.9 | 11.1 | -38.5 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 25,101 (1.1) | 0.2 | - | - | 27.3 | 10.8 | - | - | - | -2.3 | 4.4 | 16.2 | 2.4 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 76,189 (3.2) | 21.0 | 19.2 | 15.7 | 15.8 | 9.9 | 11.5 | 1.8 | 1.7 | 1.3 | -2.3 | -1.3 | -1.6 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 10,224 (0.4) | 14.2 | 14.7 | 13.1 | 9.1 | 12.8 | 13.6 | 1.6 | 1.5 | -0.5 | -4.1 | -0.3 | -32.7 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 20,676 | 19,947 (867) | 412,801 (17.6) | 55.4 | 12.3 | 11.3 | -3.2 | 15.2 | 13.1 | - | - | -0.7 | -6.4 | 18.3 | -57.8 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 21,154 | 9,108 (396) | 208,673 (8.9) | 71.9 | - | - | -4.0 | 22.7 | 20.9 | - | - | -2.1 | 11.7 | 11.7 | -42.0 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 177,933 (7.6) | 52.4 | - | - | -19.0 | 16.9 | 15.9 | - | - | 1.6 | -5.0 | -8.2 | -43.2 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 370,598 (15.8) | 27.2 | - | - | 36.3 | 27.0 | 25.6 | - | - | -1.6 | -7.5 | 18.3 | -44.4 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 176,606 (7.5) | 42.1 | 18.3 | 16.4 | 4.0 | 27.1 | 29.2 | 4.7 | 4.5 | 1.5 | 3.9 | 3.8 | -11.0 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 24,949 (1.1) | 36.9 | 24.2 | 20.9 | 7.3 | 22.3 | 22.9 | 4.9 | 4.4 | 0.3 | 2.2 | -3.6 | 24.5 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 65,497 (2.8) | 16.5 | 28.4 | 20.4 | -51.9 | 14.9 | 17.9 | 4.2 | 3.5 | -1.1 | 0.0 | 0.0 | -21.4 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 51,713 (2.2) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | -1.0 | -3.6 | -9.8 | -49.8 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 66,327 (2.8) | 11.0 | - | 30.8 | -88.5 | 7.5 | 16.4 | - | - | -0.9 | -1.0 | -7.3 | -10.4 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 43,930 (1.9) | 10.8 | 16.3 | 14.4 | -57.0 | 13.7 | 14.1 | 2.1 | 2.0 | -0.1 | -3.5 | -7.8 | 1.4 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 148,132 (6.3) | 38.4 | 7.4 | 39.7 | 65.7 | 14.3 | 2.4 | 1.0 | 1.0 | 1.4 | -4.7 | 13.7 | -53.7 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | #N/A (#N/A) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | - | - | 0.0 | -81.5 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 230,220 (9.8) | 37.7 | - | - | -14.4 | - | - | - | - | -1.2 | -9.6 | 13.2 | -49.0 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 44,435 (1.9) | 3.6 | 268.9 | 12.8 | -52.4 | 0.2 | 4.6 | - | - | -0.3 | -4.9 | -4.5 | -38.4 |
| | REE | REE | 51,826 | 18,419 (800) | 79,522 (3.4) | 0.0 | 12.3 | 11.7 | -4.5 | 16.0 | 14.8 | 1.7 | 1.5 | -0.1 | -2.1 | 2.6 | 39.5 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|-------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 49,601 (2.1) | 46.1 | 14.6 | 15.9 | -17.5 | 24.8 | 20.7 | 3.5 | 3.2 | -0.1 | -3.1 | -5.7 | 13.3 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 58,477 (2.5) | 31.4 | 11.6 | 11.3 | -10.5 | 18.2 | 16.8 | 1.9 | 1.7 | -0.7 | 0.7 | 16.6 | 13.3 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 2,076 (0.1) | 34.1 | 20.5 | 9.3 | -5.1 | 4.7 | 9.9 | 1.1 | 1.1 | 0.3 | -0.3 | -1.7 | -27.9 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 24,986 | 145,287 (6,314) | 469,125 (19.9) | 18.0 | 5.5 | 4.7 | 21.9 | 22.9 | 22.7 | 1.2 | 1.0 | -0.4 | -3.4 | -3.6 | -35.8 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (286) | 206,066 (8.8) | 36.5 | 4.2 | 6.5 | -0.5 | 40.0 | 22.4 | 1.4 | 1.3 | -1.7 | -4.7 | 5.2 | -1.3 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 253,715 (10.8) | 46.5 | 6.2 | 8.9 | -4.5 | 38.3 | 22.2 | - | - | -0.1 | -3.7 | 12.3 | -2.0 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 18,864 | 11,063 (481) | 250,974 (10.7) | 38.9 | 8.5 | 6.8 | 67.9 | 10.2 | 11.8 | 0.8 | 0.7 | -0.6 | - | -5.3 | -48.3 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 32,405 (1.4) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | -0.9 | -4.9 | 11.6 | -47.0 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 55,921 (2.4) | 4.6 | 25.2 | 13.7 | -51.0 | 5.8 | 10.8 | 2.0 | 1.9 | -0.3 | -3.8 | 11.2 | -29.7 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 17,727 | 9,854 (428) | 260,053 (11.1) | 39.9 | 168.4 | 21.7 | -11.9 | 0.3 | 4.2 | 0.8 | 0.9 | 2.8 | -4.1 | 12.9 | -0.5 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 67,827 (2.9) | 35.9 | 8.5 | 7.9 | 2.2 | 15.3 | 15.5 | 1.3 | 1.1 | 1.9 | -4.0 | 3.4 | -10.6 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 46,500 | 65,024 (2,826) | 316,801 (13.5) | 0.0 | 18.1 | 13.1 | 14.4 | 24.9 | 29.1 | 3.3 | 2.7 | -2.4 | -5.0 | 9.2 | 3.0 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 69,759 (3.0) | 0.0 | 15.7 | 13.7 | 2.4 | 24.2 | 23.0 | 3.1 | 2.7 | 0.8 | 2.0 | -0.1 | 18.4 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 1,921 (0.1) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 0.5 | -4.2 | 10.1 | -20.0 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 18,800 | 2,227 (097) | 172,136 (7.3) | 30.3 | 18.0 | 15.0 | -75.2 | 27.3 | 25.6 | 4.4 | 3.4 | -2.0 | -7.5 | -1.5 | 26.9 |
| Chăm sóc sức khỏe | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 64,891 (2.8) | 34.6 | 9.4 | 8.4 | 41.2 | 32.2 | 107.8 | 2.3 | 1.8 | 0.5 | -6.1 | -4.3 | -11.9 |
| | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 731 (0.0) | 45.4 | 13.4 | 12.3 | 10.7 | 22.2 | 21.7 | - | - | -1.7 | -1.3 | -4.4 | -21.0 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 56,667 | 61,301 (2,664) | 107,138 (4.6) | 0.0 | 16.9 | 13.7 | 15.5 | 28.9 | 28.7 | 4.2 | 3.4 | -1.3 | -2.0 | -5.3 | 6.2 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẪ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.